TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2024/QĐST-HNGĐ	*D, ngày 20 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 498 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm B, thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1990; địa chỉ: xóm B, thôn B, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc thuận tình ly hôn của ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N được ghi trong biên bản hòa giải ngày 12 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, cần án dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N có hai con chung là Lê Hoàng Mai P, sinh ngày 29/8/2012 và Lê Hoàng Mai T, sinh ngày 13/11/2015.

Khi ly hôn vợ chồng đã thoả thuận giao con chung Lê Hoàng Mai P cho ông Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Hoàng Mai T cho bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận về nuôi con như trên là phù hợp.

[3] Về tài sản: Tài sản chung vợ chồng đã tự thoả thuận giải quyết, tài sản nợ chung và nợ riêng đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuận tình ly hôn 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Hoàng Mai P, sinh ngày 29/8/2012 cho ông Lê Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Hoàng Mai T, sinh ngày 13/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0005588 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- UBND xã Đ, DL, LĐ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THA DS huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Mỹ Lệ